

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI THÚ Y Á CHÂU
CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI THÚ Y Á CHÂU

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: ASIAN VETERINARY TRADING JOINT STOCK COMPANY

Tên công ty viết tắt: ASIVET.,JSC

2. Mã số doanh nghiệp: 0108361869

3. Ngày thành lập: 12/07/2018

4. Địa chỉ trụ sở chính:

Số 65, đường ĐX6, khu đô thị Đặng Xá, Xã Đặng Xá, Huyện Gia Lâm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 0888656656

Fax:

Email: asivet656@gmail.com

Website:

5. Ngành, nghề kinh doanh:

STT	Tên ngành	Mã ngành
1.	Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng Chi tiết: - Bán buôn tre, nứa, gỗ cây và gỗ chế biến; - Bán buôn xi măng; - Bán buôn gạch xây, ngói, đá, cát, sỏi; - Bán buôn kính xây dựng; - Bán buôn sơn, vécni; - Bán buôn gạch ốp lát và thiết bị vệ sinh; - Bán buôn đồ ngũ kim; - Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng.	4663
2.	Bán lẻ thực phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh	4722
3.	Bán lẻ thảm, đệm, chăn, màn, rèm, vật liệu phủ tường và sàn trong các cửa hàng chuyên doanh	4753
4.	Kho bãi và lưu giữ hàng hóa	5210
5.	Bán lẻ đồ uống trong các cửa hàng chuyên doanh	4723
6.	Bán lẻ nhiên liệu động cơ trong các cửa hàng chuyên doanh	4730
7.	Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan	7110
8.	Kiểm tra và phân tích kỹ thuật	7120
9.	Hoạt động thiết kế chuyên dụng	7410
10.	Cho thuê đồ dùng cá nhân và gia đình khác	7729
11.	Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại	8230

12.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu Chi tiết: - Xuất nhập khẩu các mặt hàng công ty kinh doanh; - Dịch vụ logistics.	8299
13.	Trồng cây cà phê	0126
14.	Trồng cây chè	0127
15.	Trồng cây gia vị, cây dược liệu	0128
16.	Chăn nuôi trâu, bò	0141
17.	Trồng lúa	0111
18.	Trồng ngô và cây lương thực có hạt khác	0112
19.	Trồng cây lấy sợi	0116
20.	Trồng cây ăn quả	0121
21.	Trồng cây lấy quả chứa dầu	0122
22.	Trồng cây cao su	0125
23.	Trồng trọt, chăn nuôi hỗn hợp	0150
24.	Hoạt động dịch vụ chăn nuôi	0162
25.	Hoạt động dịch vụ sau thu hoạch	0163
26.	Nuôi trồng thủy sản nội địa	0322
27.	Sản xuất ca cao, sôcôla và mứt kẹo	1073
28.	Sản xuất thực phẩm khác chưa được phân vào đâu	1079
29.	Sản xuất các loại hàng dệt khác chưa được phân vào đâu	1329
30.	Sản xuất thủy tinh và sản phẩm từ thủy tinh	2310
31.	Bán buôn thực phẩm	4632
32.	Bán buôn đồ uống	4633
33.	Bán buôn tổng hợp	4690
34.	Chăn nuôi ngựa, lừa, la	0142
35.	Chăn nuôi dê, cừu	0144
36.	Chăn nuôi lợn	0145
37.	Chăn nuôi gia cầm	0146
38.	Xử lý hạt giống để nhân giống	0164
39.	Nuôi trồng thủy sản biển	0321
40.	Sản xuất giống thủy sản	0323
41.	Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét	0810
42.	Chế biến sữa và các sản phẩm từ sữa	1050
43.	Xay xát và sản xuất bột thô	1061
44.	Sản xuất các loại bánh từ bột	1071
45.	Sản xuất sắt, thép, gang	2410
46.	Sản xuất linh kiện điện tử	2610
47.	Sản xuất thiết bị truyền thông	2630

48.	Sửa chữa thiết bị điện tử và quang học	3313
49.	Sản xuất sản phẩm khác từ gỗ; sản xuất sản phẩm từ tre, nứa, rom, rạ và vật liệu tết bện	1629
50.	Sản xuất vật liệu xây dựng từ đất sét	2392
51.	Sản xuất bê tông và các sản phẩm từ xi măng và thạch cao	2395
52.	Cắt tạo dáng và hoàn thiện đá	2396
53.	Sản xuất các cấu kiện kim loại	2511
54.	Gia công cơ khí; xử lý và tráng phủ kim loại	2592
55.	Sản xuất thiết bị điện khác	2790
56.	Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp	3320
57.	Xây dựng nhà các loại	4100
58.	Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ	4210
59.	Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác	4290
60.	Phá dỡ	4311
61.	Lắp đặt hệ thống xây dựng khác	4329
62.	Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác	4390
63.	Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống	4620
64.	Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác Chi tiết: - Cho thuê máy móc, thiết bị nông, lâm nghiệp; - Cho thuê máy móc, thiết bị xây dựng; - Cho thuê máy móc, thiết bị văn phòng (kể cả máy vi tính); - Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác chưa được phân vào đâu.	7730
65.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy nông nghiệp	4653
66.	Trồng cây hồ tiêu	0124
67.	Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông	4652
68.	Cho thuê xe có động cơ	7710
69.	Trồng cây mía	0114
70.	Sản xuất mì ống, mỳ sợi và sản phẩm tương tự	1074
71.	Sản xuất món ăn, thức ăn chế biến sẵn	1075
72.	Sản xuất máy chuyên dụng khác	2829
73.	Sản xuất máy nông nghiệp và lâm nghiệp	2821
74.	Sửa chữa thiết bị điện	3314
75.	Sửa chữa thiết bị khác	3319
76.	Chuẩn bị mặt bằng	4312
77.	Lắp đặt hệ thống điện	4321
78.	Hoàn thiện công trình xây dựng	4330

79.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác Chi tiết: - Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khai khoáng, xây dựng; - Bán buôn máy móc, thiết bị điện, vật liệu điện (máy phát điện, động cơ điện, dây điện và thiết bị khác dùng trong mạch điện); - Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy dệt, may, da giày; - Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy văn phòng (trừ máy vi tính và thiết bị ngoại vi); - Bán buôn máy móc, thiết bị y tế; - Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác chưa được phân vào đâu.	4659
80.	Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm	4651
81.	Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu	4669
82.	Bán lẻ lương thực trong các cửa hàng chuyên doanh	4721
83.	Bán lẻ máy vi tính, thiết bị ngoại vi, phần mềm và thiết bị viễn thông trong các cửa hàng chuyên doanh	4741
84.	Bán lẻ vải, len, sợi, chỉ khâu và hàng dệt khác trong các cửa hàng chuyên doanh	4751
85.	Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh	4752
86.	Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình khác chưa được phân vào đâu trong các cửa hàng chuyên doanh	4759
87.	Bán lẻ thiết bị, dụng cụ thể dục, thể thao trong các cửa hàng chuyên doanh	4763
88.	Vận tải hành khách đường bộ khác	4932
89.	Vận tải hàng hóa bằng đường bộ	4933
90.	Hoạt động hỗ trợ dịch vụ tài chính chưa được phân vào đâu	6619
91.	Bán lẻ hàng hóa khác mới trong các cửa hàng chuyên doanh	4773
92.	Vận tải hàng hóa đường sắt	4912
93.	Vận tải hành khách đường bộ trong nội thành, ngoại thành (trừ vận tải bằng xe buýt)	4931
94.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường sắt và đường bộ	5221
95.	Tư vấn máy vi tính và quản trị hệ thống máy vi tính	6202
96.	Bán buôn kim loại và quặng kim loại (trừ loại cốm)	4662
97.	Trồng cây lấy củ có chất bột	0113
98.	Trồng cây có hạt chứa dầu	0117
99.	Trồng cây điều	0123
100.	Sản xuất máy vi tính và thiết bị ngoại vi của máy vi tính	2620

101.	Lập trình máy vi tính	6201
102.	Hoạt động dịch vụ công nghệ thông tin và dịch vụ khác liên quan đến máy vi tính	6209
103.	Trồng cây thuốc lá, thuốc lào	0115
104.	Trồng rau, đậu các loại và trồng hoa, cây cảnh	0118
105.	Chăn nuôi khác	0149
106.	Sản xuất đường	1072
107.	Sản xuất đồ uống không cồn, nước khoáng	1104
108.	Sản xuất xi măng, vôi và thạch cao	2394
109.	Sản xuất sản phẩm điện tử dân dụng	2640
110.	Sản xuất mô tơ, máy phát, biến thế điện, thiết bị phân phối và điều khiển điện	2710
111.	Sản xuất đồ điện dân dụng	2750
112.	Sửa chữa máy móc, thiết bị	3312
113.	Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình Chi tiết: - Kinh doanh thuốc thú y, thuốc thú y thủy sản, chế phẩm sinh học dùng trong thú y;	4649(Chính)

6. Vốn điều lệ: 1.000.000.000 VNĐ

Mệnh giá cổ phần:

7. Số cổ phần được quyền chào bán:

8. Cổ đông sáng lập:

STT	Tên cổ đông	Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Loại cổ phần	Số cổ phần	Giá trị cổ phần (VNĐ)	Tỷ lệ (%)	Số giấy CMND (hoặc số chứng thực cá nhân khác); Mã số doanh nghiệp; Số quyết định thành lập	Ghi chú
1	TRẦN NĂNG DŨNG	Thôn Xa Mạc, Xã Liên Mạc, Huyện Mê Linh, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	40.000	400.000.000	40,000	035089000274	
			Tổng số	40.000	400.000.000	40,000		
2	LƯƠNG VĂN PHÚC	Thôn Việt Khê, Xã Tân Dân, Huyện An Lão, Thành phố Hải Phòng, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	1.000	10.000.000	1,000	031083004205	
			Tổng số	1.000	10.000.000	1,000		

